

Số: 1390/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-ĐHQG ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Chuẩn trình độ ngoại ngữ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quyết định trong danh sách kèm theo hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng đơn vị có liên quan và sinh viên trình độ đại học tại Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (LTYN, 2).

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

QUY ĐỊNH
CHUẨN ĐẦU RA VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ
ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc công nhận chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học tại Trường Đại học Kinh tế - Luật (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các hình thức đào tạo trình độ đại học tại Trường bao gồm: Hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo vừa làm vừa học và hình thức đào tạo từ xa.

3. Đối với trường hợp có sự khác biệt giữa chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ được ban hành tại thời điểm tuyển sinh đầu vào và chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ được quy định tại Quy định này thì áp dụng theo chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ được quy định tại Quy định này.

4. Đối với các chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là CTĐT) thực hiện theo đề án, nếu có nội dung khác với Quy định này thì áp dụng theo nội dung quy định của đề án.

Điều 2. Ngoại ngữ

1. Ngoại ngữ dùng để xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ trong Quy định này là 01 trong 09 ngôn ngữ: Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý (sau đây gọi chung là ngoại ngữ).

2. Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là KNLNNVN), ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ sở tham chiếu để công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học.

Điều 3. Thời hạn có hiệu lực và thời hạn nộp chứng chỉ ngoại ngữ

1. Thời hạn hiệu lực của tất cả các loại chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận trong Quy định này là 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ ngoại ngữ.

2. Căn cứ Kế hoạch giảng dạy và học tập hằng năm, Trường ban hành thông báo đến sinh viên về các thời điểm xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ. Chứng chỉ ngoại ngữ nộp đến Phòng Đào tạo để đề nghị xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ phải còn hiệu lực không ít hơn 45 ngày kể từ ngày chốt dữ liệu để thẩm tra, xác minh chứng chỉ ngoại ngữ.

CHƯƠNG II

CHUẨN ĐẦU RA VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ

Điều 4. Văn bằng được sử dụng để công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ

1. Văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được cấp bởi cơ sở giáo dục trong nước hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài được sử dụng để công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Ngành học là 01 trong 09 ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

b) Ngôn ngữ sử dụng toàn phần trong quá trình đào tạo là 01 trong 09 ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này, không qua phiên dịch, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

2. Văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được cấp bởi cơ sở giáo dục trong nước kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2016 (ngày có hiệu lực thi hành của Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam) được sử dụng để công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ, trừ trường hợp CTĐT chất lượng cao bằng tiếng Anh, CTĐT dạy và học bằng tiếng Anh (sau đây gọi tắt là CTĐT bằng tiếng Anh) và CTĐT Cử nhân tài năng.

Điều 5. Chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng để công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ

1. Chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng để công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ phải bao gồm 04 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

2. Chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng để công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ bao gồm các loại chứng chỉ áp dụng đối với các khóa theo năm tuyển sinh (sau đây gọi tắt là Khóa) và các CTĐT được quy định từ Phụ lục I đến Phụ lục V kèm theo Quy định này.

Điều 6. Xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ

1. Trường hợp sinh viên là người khuyết tật, Trường xem xét thành lập Hội đồng và Tổ chuyên môn đánh giá năng lực đáp ứng chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

2. Trường hợp sinh viên là người có quốc tịch nước ngoài hoặc đang theo học các đề án đặc biệt, Trường xem xét, kiểm tra để có căn cứ xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Căn cứ Kế hoạch giảng dạy và học tập hằng năm, Trường ban hành thông báo

đến sinh viên về các đợt tiếp nhận văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ để xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

4. Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ và miễn các học phần ngoại ngữ đối với sinh viên đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ theo quy định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Phòng Đào tạo

- a) Phổ biến Quy định này đến sinh viên;
- b) Xây dựng kế hoạch, thông báo đến sinh viên về các đợt tiếp nhận văn bằng, chứng chỉ để xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ;
- c) Thực hiện công tác thẩm tra, xác minh các văn bằng, chứng chỉ;
- d) Công bố kết quả xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

2. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên

- a) Phối hợp với Phòng Đào tạo trong các hoạt động chăm sóc và hỗ trợ sinh viên;
- b) Cập nhật Quy định này vào sổ tay sinh viên.

3. Phòng Bảo đảm chất lượng

Rà soát nội dung chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ của các CTĐT theo đúng Quy định này.

4. Phòng Thanh tra - Pháp chế

Xây dựng kế hoạch và thực hiện thanh tra, giám sát việc thi hành Quy định này và báo cáo định kỳ về Hiệu trưởng.

5. Các Khoa

Phổ biến Quy định này đến giảng viên và phối hợp các đơn vị để triển khai thực hiện.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp.

Phụ lục I: Chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với tiếng Anh (mức tối thiểu)

Áp dụng cho Khóa 17

(Kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Trình độ/Chứng chỉ	CTĐT Chuẩn	CTĐT Chất lượng cao	CTĐT Chất lượng cao bằng tiếng Anh
CEFR (Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu)	B1	B2	B2
VSTEP (Chứng chỉ theo KNLNNVN được Bộ GD&ĐT quy định và công nhận)	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 4
IELTS (*)	5.0	5.5	6.0
Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/ Linguaskill thang điểm: 140	B2 First/ Linguaskill thang điểm: 160	B2 First/ Linguaskill thang điểm: 169
TOEFL iBT (**)	45	59	78
TOEIC (***)	- Nghe và Đọc: 500 - Nói và Viết: 221/ BKE: 200	- Nghe và Đọc: 550 - Nói và Viết: 240/ BKE: 200	- Nghe và Đọc: 670 - Nói và Viết: 270
Aptis ESOL	B1	B2	B2
PTE Academic	43	59	59
PEIC	Level 2	Level 3	Level 3

(*) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ IELTS: Không chấp nhận chứng chỉ IELTS Indicator. Đối với CTĐT Chất lượng cao bằng Tiếng Anh: Chỉ chấp nhận chứng chỉ IELTS Academic.

(**) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ TOEFL iBT: Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition.

(***) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ TOEIC: Sinh viên cần nộp **cùng lúc** chứng chỉ TOEIC (Nghe và Đọc) và chứng chỉ TOEIC (Nói và Viết) khi đề nghị xét chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

Phụ lục II: Chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với tiếng Anh (mức tối thiểu)

Áp dụng cho: Khóa 18; Khóa 19; Khóa 20; Khóa 21; Khóa 22

(Kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Trình độ/Chứng chỉ	CTĐT Chuẩn	CTĐT Chất lượng cao; CTĐT Cử nhân tài năng	CTĐT Chất lượng cao bằng tiếng Anh
CEFR (Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu)	B1	B2	B2
VSTEP (Chứng chỉ theo KNLNNVN được Bộ GD&ĐT quy định và công nhận)	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 4
IELTS (*)	5.0	5.5	6.0
Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/ Linguaskill thang điểm: 140	B2 First/ Linguaskill thang điểm: 160	B2 First/ Linguaskill thang điểm: 169
TOEFL iBT (**)	45	59	78
TOEIC (***)	- Nghe và Đọc: 500 - Nói và Viết: 221	- Nghe và Đọc: 550 - Nói và Viết: 240	- Nghe và Đọc: 670 - Nói và Viết: 270
Aptis ESOL	B1	B2	B2
PTE Academic	43	59	59
PEIC	Level 2	Level 3	Level 3

(*) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ IELTS: Không chấp nhận chứng chỉ IELTS Indicator. Đối với CTĐT Chất lượng cao bằng Tiếng Anh, CTĐT Cử nhân tài năng: Chỉ chấp nhận chứng chỉ IELTS Academic.

(**) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ TOEFL iBT: Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition.

(***) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ TOEIC: Sinh viên cần nộp **cùng lúc** chứng chỉ TOEIC (Nghe và Đọc) và chứng chỉ TOEIC (Nói và Viết) khi đề nghị xét chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

Phụ lục III: Chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với tiếng Anh (mức tối thiểu)
Áp dụng cho Khóa 23

(Kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-ĐHKTU ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Trình độ/Chứng chỉ	CTĐT bằng tiếng Việt	CTĐT bằng tiếng Anh; CTĐT Cử nhân tài năng
CEFR (Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu)	B1	B2
VSTEP (Chứng chỉ theo KNLNNVN được Bộ GD&ĐT quy định và công nhận)	Bậc 3	Bậc 4
IELTS (*)	5.0	6.0
Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/ Linguaskill thang điểm: 140	B2 First/ Linguaskill thang điểm: 169
TOEFL iBT (**)	45	78
TOEIC (***)	- Nghe và Đọc: 500 - Nói và Viết: 220	- Nghe và Đọc: 670 - Nói và Viết: 270
Aptis ESOL	B1	B2
PTE Academic	43	59
PEIC	Level 2	Level 3

(*) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ IELTS: Không chấp nhận chứng chỉ IELTS Indicator. Đối với CTĐT bằng Tiếng Anh, CTĐT Cử nhân tài năng: Chỉ chấp nhận chứng chỉ IELTS Academic.

(**) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ TOEFL iBT: Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition.

(***) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ TOEIC: Sinh viên cần nộp **cùng lúc** chứng chỉ TOEIC (Nghe và Đọc) và chứng chỉ TOEIC (Nói và Viết) khi đề nghị xét chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

Phụ lục IV: Chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với tiếng Anh (mức tối thiểu)

Áp dụng từ Khóa 24

(Kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Trình độ/Chứng chỉ	CTĐT bằng tiếng Việt	CTĐT bằng tiếng Anh; CTĐT Cử nhân tài năng
CEFR (Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu)	B1	B2
VSTEP (Chứng chỉ theo KNLNNVN được Bộ GD&ĐT quy định và công nhận)	Bậc 3	Bậc 4
IELTS (*)	5.0	6.0
Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/ Linguaskill thang điểm: 140	B2 First/ Linguaskill thang điểm: 169
TOEFL iBT (**)	45	78
TOEIC (***)	- Nghe và Đọc: 550 - Nói và Viết: 240	- Nghe và Đọc: 785 - Nói và Viết: 310
Aptis ESOL	B1	B2
PTE Academic	43	59
PEIC	Level 2	Level 3

(*) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ IELTS: Không chấp nhận chứng chỉ IELTS Indicator. Đối với CTĐT bằng Tiếng Anh, CTĐT Cử nhân tài năng: Chỉ chấp nhận chứng chỉ IELTS Academic.

(**) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ TOEFL iBT: Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition.

(***) Trường hợp sinh viên nộp chứng chỉ TOEIC: Sinh viên cần nộp **cùng lúc** chứng chỉ TOEIC (Nghe và Đọc) và chứng chỉ TOEIC (Nói và Viết) khi đề nghị xét chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ.

Phụ lục V: Chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với các ngoại ngữ khác
(Không áp dụng cho CTĐT bằng tiếng Anh và CTĐT Cử nhân tài năng)

(Kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

CEFR (Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Ý
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF B1	B1 ZD TDN 3	HSK Level 3	JLPT N4	TOPIK II Type 3	DELE B1	PLIDA B1

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH QUYẾT ĐỊNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1390 /QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT	Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành quyết định	Tên gọi của quyết định
1	Số 236/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/02/2016	Ban hành Quy định tổ chức giảng dạy và học tập tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế - Luật
2	Số 1032/QĐ-ĐHKTL ngày 17/9/2018	Về việc sửa đổi Quy định tổ chức giảng dạy và học tập tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế - Luật ban hành kèm theo Quyết định số 236/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật
3	Số 1525/QĐ-ĐHKTL ngày 12/12/2018	Về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật hệ đại học chính quy tập trung
4	Số 1579/QĐ-ĐHKTL ngày 25/10/2022	Về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật hệ đại học chính quy tập trung
5	Số 567/QĐ-ĐHKTL ngày 16/5/2023	Sử dụng chứng chỉ VSTEP để xét chuẩn ngoại ngữ đầu ra dành cho sinh viên đại học chính quy từ Khóa 17 trở về trước
6	Số 1231/QĐ-ĐHKTL ngày 25/8/2023	Về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ
7	Số 711/QĐ-ĐHKTL ngày 10/4/2024	Về việc sửa đổi Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ ban hành kèm theo Quyết định số 1525/QĐ-ĐHKTL ngày 12/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật
8	Số 712/QĐ-ĐHKTL ngày 10/4/2024	Về việc sửa đổi Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ ban hành kèm theo Quyết định số 1231/QĐ-ĐHKTL ngày 25/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật
9	Số 1916/QĐ-ĐHKTL ngày 13/8/2024	Về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ
10	Số 2859/QĐ-ĐHKTL ngày 19/11/2024	Về việc sửa đổi Quy định tổ chức giảng dạy và học tập tiếng Anh ban hành kèm theo Quyết định số 236/QĐ-ĐHKTL ngày 25/02/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật
11	Số 2860/QĐ-ĐHKTL ngày 19/11/2024	Về việc sửa đổi Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ ban hành kèm theo Quyết định số 1525/QĐ-ĐHKTL ngày 12/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật